TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2024/HS-PT
Ngày: 19-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Hưng

Ông Ngô Thanh Sỹ

- *Thư ký Tòa án:* Bà Ngô Thị Diệm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 122/2024/TLPT-HS ngày 22/3/2024 đối với bị cáo Phạm Thị Thanh T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với Bản án hình sự sơ thẩm thụ lý số 456/2023/HSST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đối với bị cáo:

Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1990 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1956 (chết).

Bị cáo là con út trong gia đình có 04 (bốn) anh chị em.

Có chồng tên Ngô Trung H, sinh năm 1985 (ly hôn tháng 06/2023), có 02 (hai) con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 21/10/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 1128/LTG-ĐTTH ngày 28/10/2022 của Cơ quan điều tra Công an thành phố B. Ngày 20/01/2023, bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn số

3524/QĐ-VKSBH của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang tại ngoại.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 869/LCĐKNCT ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị hại: Chị Trần Thị M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm: Phạm Thị Thanh T và chị Trần Thị M ngụ tại tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là bạn bè quen biết với nhau. Vào tối ngày 19-10-2022, T kiểm tra điện thoại của anh Ngô Trung H (là chồng T) thì phát hiện anh H có nhắn tin tình cảm, chuyển số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) và tặng 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax cho chị M nên khoảng 06 giờ 30 ngày 20-10-2022, T đến nhà Phạm Thị Ánh T3 (là bạn của T) ngụ tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai để thuê chồng T3 là anh Trần Tuấn P, điều khiển xe ô tô biển số 60A – 630.24 chở T đi thành phố B để tìm gặp M nhưng do vợ chồng anh P và T3 cũng đi chợ B nên đồng ý cho T đi nhờ xe. Khi đi đến đoạn đường thuộc xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì T nói anh H dừng xe, T xuống xe gọi điện thoại cho H1 (Không rõ họ, địa chỉ, là bạn của T) để nhờ H1 đi cùng T hỗ trợ lấy lại tài sản thì H1 đồng ý, sau đó H1 gọi thêm 01 (Một) nam thanh niên (Không rõ họ tên, địa chỉ, là bạn của H1) đi cùng để hỗ trợ T lấy lại tiền.

Khi cả nhóm đi đến đoạn đầu đường thuộc khu phố C, phường T, thành phố B thì T, H1 xuống xe, T gọi điện thoại cho chị M nói dối mượn cục sạc điện thoại để chị M ra đón và dẫn T vào nhà. Lúc này, T muốn quay lại video clip việc chị M thừa nhận có quan hệ bất chính với chồng mình nên T nhờ T3 cùng vào nhà chị M để giúp T quay clip thì T3 đồng ý, còn anh P ngồi ngoài xe chờ. Khi vào gần tới nhà chị M, T nhìn thấy chị M đang cầm trên tay 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu hiệu Iphone 14 Promax nên nói "điện thoại đẹp nhỉ, cho mượn xem" rồi T lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi xách của T.

Khi vào đến nhà chị M tại tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, T hỏi chị M về việc có quan hệ tình cảm với chồng của T là anh H hay không thì chị M không thừa nhận có mối quan hệ tình cảm với anh H và cũng không có liên quan gì đến tiền bạc nên T đưa hình ảnh tin nhắn giữa anh H và chị M liên quan đến việc chuyển số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) và tặng điện thoại di động, nhưng chị M vẫn không thừa nhận. Lúc này, H1 và bạn H1 đe doạ sẽ đánh chị M, chị M hoảng sợ nên bỏ chạy vào phòng ngủ trốn thì T và H1 đuổi theo, T dùng 01 (Một) cái thớt ở nhà bếp chị M đập vỡ cửa kính, mở cửa rồi T và H1 vào bên trong nắm tay chị M kéo ra phòng khách.

Sau đó, T tiếp tục hỏi về mối quan hệ giữa chị M và anh H cũng như nguồn gốc chiếc điện thoại di động Iphone 14 Promax và việc chuyển số tiền 100.000.000 đồng

(Một trăm triệu) nhưng chị M vẫn không thừa nhận, chị M giằng co muốn bỏ chạy nên H1 và bạn H1 dùng tay đánh vào mặt chị M mỗi người một cái, H1 còn đe doạ chị M "ngồi im, để chị tôi nói chuyện". Lúc này, T lấy điện thoại di động của chị M yêu cầu chị M đọc mật khẩu điện thoại và mật khẩu để đăng nhập vào tài khoản ngân hàng V của chị M nhưng chị M không đọc nên T nói H1 đánh vào mặt chị Mai m cái làm chị M hoảng sợ, đọc mật khẩu điện thoại cho T là "868788" rồi T sử dụng điện thoại của M đăng nhập vào ứng dụng tài khoản ngân hàng V của chị M trên điện thoại với mật khẩu "Mai180387", chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) từ tài khoản của chị M sang tài khoản của T. Sau khi chuyển tiền, thấy chưa đủ với số tiền mà anh H đã chuyển cho T nên T nói chị M tháo hết trang sức trên người xuống nhưng do tay chị M bị thương nên T nói con gái chị M là cháu Võ Ngọc Mai P1 (con ruột của chị M) ở trong phòng ngủ ra rồi yêu cầu cháu P1 tháo hết trang sức trên người chị M gồm: 01 (Một) sợi dây chuyền vàng ý, 01 (Một) chiếc lắc vàng ý, 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng ý và 01 (Một) cặp bông tai vàng ý rồi T bỏ hết số trang sức trên vào túi xách của T.

Sau đó T tiếp tục đe doạ chị M, yêu cầu chị M thừa nhận việc có quan hệ tình cảm với anh H, đồng thời có nhận số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) và 01 (Một) điện thoại di động Iphone 14 Promax từ anh H nhưng chị M không thừa nhận, bực tức nên T lấy (01) cái thớt gần đó đánh chị M nhưng hai bên giằng co làm chiếc thớt văng trúng 01 (Một) chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 42 inch gần đó bị hư hỏng. Thấy vậy, lo sợ bị đánh nên chị M đã nói theo yêu cầu của T, quá trình này T đã dùng điện thoại di động của mình quay lại. Trước khi quay, T hăm doạ chị M phải nói theo ý của T nếu nói sai sẽ phát trực tiếp lên mạng xã hội. Sau khi quay clip xong, T ngồi nói chuyện với chị M, lúc này T nhờ T3 dùng điện thoại của T quay 02 (Hai) đoạn video clip nói chuyện giữa T và chị M để làm bằng chứng về việc chị M có quan hệ tình cảm với anh H.

Sau khi quay clip xong, T3 bỏ ra ngoài nghe điện thoại, còn T cùng H1 và bạn H1 tiếp tục ép chị M phải viết giấy với nội dung chị M nợ T số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu) và hẹn đến ngày 28-10-2022 phải trả. Chị M do sợ tiếp tục bị đánh nên đã viết giấy nợ T với số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu), quá trình này T đã dùng điện thoại di động của mình quay lại. Khi viết giấy nợ xong, T nói lấy luôn chiếc điện thoại di động Iphone 14 Promax của chị M rồi cả nhóm đi về. Sự việc xảy ra, chị M đến Công an phường T trình báo vụ việc. Công an phường T đã mời T về làm việc, tại đây T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Vật chứng vụ án, gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 ProMax, 01 (Một) lắc tay kim loại màu trắng, 01 (Một) dây chuyền kim loại màu trắng (có mặt kim loại trắng), 02 nhẫn kim loại màu trắng, 02 (Hai) bông tai kim loại trắng, 01 (Một) cái thớt gỗ rộng 20cm, dài 31cm, 01 (Một) tivi Sony màu đen, 42 inch và nhiều mảnh kính vỡ có kích

thước khác nhau thuộc sở hữu của chị Trần Thị M. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi, trả lại cho chị M.

- 01 (Một) tờ giấy kẻ học sinh có ghi nội dung chị M nợ tiền T: lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (Một) USB ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án: lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (Một) hoá đơn bán hàng của Công ty V1, 03 (Ba) hoá đơn mua bán của tiệm V2 và 01 (Một) hoá đơn bán hàng của tiệm V3: lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu trắng thuộc sở hữu của Phạm Thị Thanh T: sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 (Một) thẻ ATM của T hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố B đã trả lại cho T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2527/KL-HĐĐGTS ngày 26-12-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: "01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax loại 128GB, 01 (Một) sợi dây chuyền vàng trắng 17K, 01 (Một) mặt dây chuyền vàng trắng 17K, 01 (Một) nhẫn vàng trắng 17K, 01 (Một) nhẫn vàng trắng 17K, 01 (Một) đôi bông tai vàng trắng 17K và 01 (Một) lắc tay vàng trắng 17K có tổng giá trị định giá tài sản là 51.444.670 đồng".

Trách nhiệm dân sự: Phạm Thị Thanh T đã chuyển trả lại cho chị Trần Thị M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu), chị M đã nhận lại tài sản, đồng thời T đã bồi thường cho chị M số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) nên chị M không yêu cầu bị cáo bồi thường, đồng thời có đơn xin bãi nại cho T.

Tại bản án sơ thẩm số 456/2023/HSST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử bị cáo Phạm Thị Thanh T **04 (bốn) năm tù** về tội "Cướp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 21/10/2022 đến ngày 20/01/2023.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Tại Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 156/2023/TB-TA ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Tại dòng thứ 07 từ dưới lên, trang 1 của Bản án sơ thẩm, nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "Con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1960 (còn sống) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1956 (chết)".

- Tại dòng thứ 07 từ dưới lên, trang 9 của Bản án sơ thẩm, nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "21/10/2022 đến ngày 20/01/2023".

Ngày 09/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 456/2023/HSST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Thanh T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 15/12/2023, bị hại Trần Thị M có đơn đề nghị xem xét xét xử bị cáo Phạm Thị Thanh T với mức án 04 năm tù là đúng người, đúng tội, chỉ vì ghen tuông mù quáng mà phạm tội. Bị cáo phải nuôi 02 con còn nhỏ xem xét xét xử mức án thấp nhất.

Ngày 05/3/2024, bị cáo Phạm Thị Thanh T có đơn xin cứu xét hoàn cảnh gia đình, giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa để sớm thi hành án trở về với các con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền nhân thân, sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của bị hại. Bị cáo là người cầm đầu, rủ rê người đi cùng để hỗ trợ, chỉ đạo 02 đồng phạm dùng vũ lực đánh bị hại để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo thể hiện hung hãn, cố tình thực hiện tôi phạm đến cùng. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này là thiếu sót.

Bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" với tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 04 năm tù (chỉ hơn mức khởi điểm của khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự) 01 năm là không tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, không có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Thanh T theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 20-10-2022, tại nhà không số thuộc tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, Phạm Thị Thanh T, H1 (không rõ họ, địa chỉ) và 01 người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đã có hành vi dùng tay đánh, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu), 01 (một) di động hiệu Iphone 14 Promax loại 128GB, 01 (một) sợi dây chuyền vàng trắng 17K, 01 (một) nhẫn vàng trắng 17K, 01 (một) đôi bông tai vàng trắng 17K và 01 (một) lắc tay vàng trắng 17K.

Trị giá định giá tài sản là 51.444.670 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) của chị Trần Thị M và buộc chị M viết giấy với nội dung có nợ T số tiền nợ T số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu) thì T bị khởi tố, xử lý, còn H1 (không rõ họ, địa chỉ) và 01 người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) bỏ trốn.

Tổng trị giá tài sản T chiếm đoạt 117.444.670 đồng (một trăm mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền nhân thân, sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự

tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người cầm đầu, rủ rê người đi cùng để hỗ trợ, yêu cầu 02 đồng phạm dùng vũ lực đánh bị hại để chiếm đoạt tài sản, cố tình thực hiện hành vi đến cùng. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin bãi nại. Bị cáo có bà ngoại là bà Nguyễn Thị Q là mẹ Việt Nam anh hùng được nhà nước phong tặng 2014. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang nuôi hai con nhỏ, có xác nhận của chính quyền địa phương theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù là không tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyết định kháng nghị hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này là thiếu sót.

Bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" với tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 04 năm tù (chỉ hơn mức khởi điểm của khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự) 01 năm là không tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, không có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị số 321/QĐ-VKS-P7 ngày 09/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 456/2023/HSST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai về hình phạt.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

Bị cáo Phạm Thị Thanh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án và được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 21/10/2022 đến ngày 20/01/2023.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hòa;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Phòng PV 06-CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Long Châu